

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 233/2024/DS-PT

Ngày: 07-5-2024

V/v Tranh chấp dân sự về bồi
thường thiệt hại do tài sản bị
xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 156/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 266/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1962; Địa chỉ: **Tổ A, ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1955; Địa chỉ: **Tổ A, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Võ Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Võ Văn S trình bày: Ngày 28/5/2019, ông có ký hợp đồng chuyển nhượng Trạm bơm điện ô số 10 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C với bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Đ với giá 800.000.000 đồng; bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M.

Phía bà Đ đã thanh toán cho ông số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 25/5/2019, đến ngày 30/5/2019 (âm lịch) phía bà Đ tiếp tục thanh toán cho ông số tiền 170.000.000 đồng. Đến khi thu hoạch vụ 3 năm 2019 là ngày 20/9/2019 (âm lịch) phía bà Đ sẽ trả đủ cho ông số tiền 230.000.000 đồng còn lại. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn M cho rằng Trạm bơm số 10 trước đây còn nợ ông M cho nên ông M yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ giữ lại số tiền 230.000.000 đồng, chờ ông M khởi kiện ở Tòa án có thẩm quyền giải quyết xong vụ việc thì mới trả đủ số tiền 230.000.000 đồng.

Hiện tại vụ kiện giữa ông với ông Nguyễn Văn M đã được giải quyết xong tại Bản án số 53/2023/DS-PT ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ông M cho rằng trước đây ông còn thiếu nợ ông M nên ông M thưa ông ra Tòa để giải quyết nhưng Tòa án giải quyết ông không có thiếu nợ ông M, mà ngược lại ông M còn thiếu nợ ông số tiền 160.269.000 đồng.

Trong vụ án này ông không yêu cầu gì đối với bà Nguyễn Thị Đ, vì bà Đ giữ (quản lý) số tiền trên là theo yêu cầu của ông M và hiện nay ông đã nhận đủ số tiền 230.000.000 đồng, không tranh chấp về số tiền 230.000.000 đồng (Ngày 13/7/2020, bà Đ đã đưa cho ông M số tiền 118.750.000 đồng và bà Đ đã trả cho ông số tiền còn lại là 111.250.000 đồng vào ngày 31/3/2023, tổng cộng là 230.000.000 đồng đã thanh toán xong). Việc ông M yêu cầu bà Đ giữ (quản lý) số tiền 230.000.000 đồng đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo lãi suất của pháp luật là 1,66%/tháng x 230.000.000đồng x 46 tháng (tính từ ngày

20/9/2019 đến ngày 20/6/2023) = 175.628.000 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi kết thúc vụ kiện. Ngoài ra, ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Ông **Nguyễn Văn M** trình bày: Ông thừa nhận có yêu cầu bà **Nguyễn Thị Đ** giữ (quản lý) số tiền 230.000.000 đồng vào ngày 20/9/2019, do Trạm bơm ô số 10 trước đây còn nợ ông tiền cho nên ông yêu cầu bà **Đ** giữ lại số tiền này để chờ ông khởi kiện ở Tòa án giải quyết xong vụ việc thì mới được trả đủ cho ông **Võ Văn S**; trong số tiền 230.000.000 đồng thì Tòa án đã xét xử ông **S** phải trả cho ông 128.000.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa ông **M** xác định lại là trước đây ông có ý kiến trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông **S** thì ông yêu cầu bà **Nguyễn Thị Đ** phải chịu 1/2 (50%) của số tiền mà ông **S** đang yêu cầu (chưa thụ lý), nay ông không còn giữ yêu cầu này nữa, vì trong việc này bà **Đ** không có lỗi. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của ông **Võ Văn S**, vì tại thời điểm ông yêu cầu bà **Đ** giữ (quản lý) lại số tiền này thì ông **S** cũng đồng ý, không có ý kiến hay khiếu nại gì. Ngoài ra, ông không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Bà **Nguyễn Thị Đ** trình bày: Vào ngày 28/5/2019, bà có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng Trạm bơm điện với bên chuyển nhượng là ông **Võ Văn S** với giá 800.000.000 đồng, bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Văn M** (ngày 28/5/2019 trả 400.000.000 đồng, ngày 30/5/2019 ã trả 170.000.000 đồng và ông **S** đã nhận đủ số tiền trên, ngày 20/9/2019 ã sẽ trả đủ số tiền còn lại là 230.000.000 đồng). Tuy nhiên, đến ngày giao tiền thì ông **M** yêu cầu bà giữ (quản lý) lại số tiền 230.000.000 đồng này để chờ ông **M** khởi kiện ở Tòa án giải quyết xong vụ việc thì mới được trả đủ cho ông **Võ Văn S** và được sự đồng ý của ông **S**. Việc bà giữ lại số tiền 230.000.000 đồng là theo yêu cầu (mong muốn) của ông **Nguyễn Văn M** và ông **Võ Văn S**, trong việc này bà không có lỗi gì hết. Mặt khác, ngày 13/7/2020, bà đã trả thay cho ông **S** số tiền 118.750.000 đồng theo Bản án số 80/2020/DS-PT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (đều được sự đồng ý của cả ông **S** và ông **M**) và bà cũng đã trả cho ông **S** số tiền còn lại là 111.250.000 đồng vào ngày 31/3/2023, tổng cộng là 230.000.000 đồng. Còn việc trước đây ông **M** có ý kiến trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông **S** thì ông **M** yêu cầu bà phải chịu 1/2 (50%) của số tiền mà ông **S** đang yêu cầu (chưa thụ lý), nay ông **M** không còn giữ yêu cầu này nữa nên bà cũng không có ý kiến gì. Đồng thời, bà cũng xác định tài sản

nhận chuyển nhượng ngày 28/5/2019 là Trạm bơm điện và số tiền mà bà trả cho bên chuyển nhượng là tài sản riêng của bà, không phải là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn D, việc trong hợp đồng chuyển nhượng Trạm bơm điện ngày 28/5/2019 có tên ông Nguyễn Văn D1 (Đèo) là do bà và ông D1 là vợ chồng nên ghi tên vào, chứ thực tế ông D1 không liên quan gì trong việc chuyển nhượng Trạm bơm điện và bà cũng không yêu cầu Tòa án đưa ông D1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại Bản án sơ thẩm số 156/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn S về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 175.628.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20/9/2023, ông Võ Văn S kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Võ Văn S trình bày: Ông S giữ nguyên kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông M không thỏa thuận được với ông S về giải quyết vụ án.

+ Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ không thỏa thuận được với ông S về giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn S; giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Võ Văn S** khởi kiện ông **Nguyễn Văn M**, về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng quy định. Ông **S** kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Ông **S** trình bày, vào ngày 28/5/2019 thì ông **S** có ký hợp đồng chuyển nhượng Trạm bơm điện phục vụ tưới tiêu (Trạm bơm nước cho ô đất số 10 thuộc **xã B, huyện C**) cho bà **Đ** với giá 800.000.000đ. Tuy nhiên, ông **M** cho rằng Trạm bơm trước đây còn nợ ông **M** nên ông **M** yêu cầu bà **Đ** giữ lại số tiền 230.000.000đ. Sau đó ông **M** khởi kiện đòi nợ ông **S**, nhưng theo kết quả giải quyết của Tòa án Tỉnh theo thủ tục dân sự phúc thẩm xác định ông **S** không có nợ ông **M**. Như vậy việc ông **M** yêu cầu bà **Đ** giữ lại số tiền 230.000.000đ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông **S**, nên ông **M** phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do ông **M** yêu cầu bà **Đ** chậm trả số tiền 230.000.000đ. Thiệt hại được tính tương ứng số tiền lãi trong 46 tháng, theo mức lãi suất 1,66% thành tiền là 175.628.000đ.

[3] Xét thấy yêu cầu của ông **S** về việc bồi thường thiệt hại tài sản là không có cơ sở, bởi vì: Hợp đồng chuyển nhượng Trạm bơm điện giữa ông **S** và bà **Đ** là hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã **B** xác nhận phù hợp quy định của pháp luật. Theo hợp đồng ngày 28/5/2019 thể hiện bên chuyển nhượng là ông **S**, bên nhận chuyển nhượng là bà **Đ**, bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **M**. Việc thỏa thuận của các bên có nội dung như sau: Đến khi thu hoạch xong vụ ba của năm 2019. Vào ngày 20/9/2019 thì bà **Đ** sẽ trả đủ cho ông **S** số tiền còn lại 230.000.000đ. Ông **M** cho rằng Trạm bơm ô số 10 trước đây còn nợ ông **M**, cho nên ông **M** yêu cầu bên ông **Nguyễn Văn D1** và bà **Đ** giữ lại số tiền 230.000.000đ, chờ ông **M** khiếu kiện ở Tòa án có thẩm quyền giải quyết xong vụ việc thì mới trả đủ cho ông **S**, tất cả ba bên cùng thống nhất ký tên.

Qua nội dung trên cho thấy, việc ông **M** yêu cầu bà **Đ** giữ lại số tiền 230.000.000đ là có sự đồng ý của ông **S** và sau đó ông **S** cũng không có phản đối việc thỏa thuận hoặc khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Do đó việc thỏa thuận nêu trên là tự nguyện đúng ý chí của các bên, hoàn toàn

không có cam kết bồi thường nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường của ông **M** và bà **Đ**. Vì vậy kháng cáo của ông **S** là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **S**, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ nên giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **S**. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí phúc thẩm: Ông **S** là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 105, 584, 585, 588, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39, 184, 227, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Võ Văn S**.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn S** về việc yêu cầu ông **Nguyễn Văn M** phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 175.628.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông **Võ Văn S** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm (Ông **S** được miễn do ông **S** thuộc người cao tuổi).

Ông **Nguyễn Văn M** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng